

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-01-2023
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Minh Th, sinh năm: 1975 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mộng Th, sinh năm: 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã Kh H, huyện U M, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trịnh Minh Th trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1996 được sự đồng ý của gia đình hai bên ông và bà Th làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hai con chung, thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng; vợ chồng không có sự quan tâm nhường nhịn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Mộng Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Minh Ph, sinh ngày 13/4/1997 và Trịnh Minh T, sinh ngày 18/5/2007, đối với Trịnh Minh Ph đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên không yêu cầu; đối với Trịnh Minh T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu con chung sống với ông ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu.

- Tại đơn yêu cầu ngày 16/12/2022 bị đơn bà Nguyễn Mộng Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Th chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, ông Th yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Minh Ph, sinh ngày 13/4/1997 và Trịnh Minh T, sinh ngày 18/5/2007, đối với Trịnh Minh Ph đã trưởng thành không yêu cầu; đối với Trịnh Minh T đang sống với bà nên bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Minh Th yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Mộng Th, tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Mộng Th có đơn xin vắng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Th theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Minh Th và bà Nguyễn Mộng Th cùng xác định vợ chồng làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù ông Th và bà Th đều xác định việc ông Th và bà Th làm đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau là trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà Th không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông Trịnh Minh Th và bà Nguyễn Mộng Th là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ông Trịnh Minh Th xác định quá trình chung sống ông Th và bà Th có 02 con chung tên Trịnh Minh Ph, sinh ngày 13/4/1997 và Trịnh Minh T, sinh ngày 18/5/2007. Xét thấy, bà Th và ông Th xác định Trịnh Minh Ph đã trưởng thành có đầy đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với Trịnh Minh T hiện do bà Th nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống với bà Th, ông Th cũng đồng ý giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Trịnh Minh T cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Trịnh Minh Th và bà Nguyễn Mộng Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Trịnh Minh Th và bà Nguyễn Mộng Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trịnh Minh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 58, 59, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trịnh Minh Th và bà Nguyễn Mộng Th là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 18/5/2007 cho bà Nguyễn Mộng Th nuôi dưỡng. Ông Trịnh Minh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Mộng Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trịnh Minh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông Trịnh Minh Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010836 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi